

HUMAN RIGHTS

Quyền Con Người

What families need to know -
Những điều gia đình cần biết



OUR AGENDA

NỘI DUNG

- | | |
|---|---|
| ○The basic Human Rights for people served by the Department of Developmental Services (DDS) | 1. Quyền cơ bản của người được phục vụ bởi DDS |
| ○Limitations on the rights | 2. Giới hạn về quyền |
| ○How families can make a positive impact | 3. Làm thế nào gia đình có thể tạo ảnh hưởng tích cực |
| ○Solving human rights issues | 4. Giải quyết mâu thuẫn về quyền con người |



GENERAL PRINCIPLES NGUYÊN TẮC CHUNG

- | | |
|--|---|
| ○Services provide humane and adequate care | • Dịch vụ chăm sóc đầy đủ mang tính nhân đạo. |
| ○Services teach independence | • Dịch vụ dạy kỹ năng tự lập |
| ○Services promote social inclusion | • Dịch vụ cải thiện việc hòa nhập xã hội |
| ○Services encourage self determination | • Dịch vụ khuyến khích tính tự quyết |



QUALITY OF CARE CHẤT LƯỢNG CHĂM SÓC

You should expect Services for your family member to be provided with care and respect

- They should be well taken care of; free from discomfort, distress, and deprivation.
- Staff should know about any special support needs and preferences of the person.
- Staff need to communicate to your family member calmly, respectfully, and in an age appropriate manner.
- They need to be attentive to your family member.
- Choices are based on the individuals interests, not staff preferences.

Bạn mong đợi các dịch vụ hỗ trợ cho thành viên trong gia đình bạn phải được tôn trọng và ân cần.

- Họ phải được chăm sóc tốt, cảm thấy thoải mái không bức mình và trối buộc.
- Nhân viên nên biết về các nhu cầu đặc biệt và sở thích của cá nhân mà họ phục vụ
- Nhân viên cần giao tiếp với các thành viên trong gia đình một cách tôn trọng, bình tĩnh và phù hợp với tuổi.
- Họ cần phải quan tâm chú ý đến thành viên trong gia đình bạn.
- Lựa chọn dựa vào sở thích của cá nhân, chứ không phải dựa vào sở thích của nhân viên

PERSONAL CARE WITH DIGNITY CHĂM SÓC CÁ NHÂN THEO NHÂN PHẨM CỦA CON NGƯỜI

- Staff need to provide good and thorough personal care so that your family member is clean, comfortable and properly dressed.
- Appearances do matter.
- People can have a reasonable expectation to get help with personal care from same sex staff that involves disrobing.
- Nhân viên cần cung cấp dịch vụ chăm sóc cá nhân phù hợp và chu toàn để thành viên trong gia đình bạn được ăn mặc sạch sẽ, thoải mái và gọn gàng
- Vẻ bề ngoài cũng khá quan trọng
- Cá nhân có thể có mong đợi hợp lý trong việc chăm sóc cá nhân bởi nhân viên cùng giới nếu việc chăm sóc cá nhân có liên quan đến việc cởi quần áo.



HELPING PEOPLE TO BECOME MORE INDEPENDENT GIÚP TĂNG CƯỜNG TÍNH TỰ LẬP

- Services should teach functional and meaningful skills to people that they can use in their lives to become more independent.
- These should be geared to each person's needs, abilities, and interests.
- Dịch vụ cung cấp cần dạy cho cá nhân các kỹ năng có chức năng và có ý nghĩa để cá nhân có thể dùng được trong cuộc sống nhằm nâng cao khả năng tự lập của mình.
- Các dịch vụ cần phải dựa theo nhu cầu, sở thích và khả năng của từng cá nhân.



INDEPENDENCE SỰ TỰ LẬP

- Services and supports need to be provided in the least restrictive way possible.
- Staff should provide only as much assistance as is needed, they should encourage the individual to do as much as they can, so as to avoid learned helplessness.
- Restrictions must be as minimal as possible to insure safety.

- Các dịch vụ hỗ trợ cần được cung cấp trong môi trường ít hạn chế nhất
- Nhân viên nên chỉ giúp khi cần thiết mà nên khuyến khích cá nhân tự làm càng nhiều càng tốt để tránh cảm giác bất lực.
- Hạn chế quyền phải ở mức tối thiểu nhằm đảm bảo sự an toàn



SERVICE PROMOTE BELONGING DỊCH VỤ CẢI THIỆN VIỆC SỞ HỮU

- People should be supported to dress and conduct themselves in the community in an age appropriate way that will promote community membership.

- Con người nên được hỗ trợ để có thể ăn mặc và hành xử phù hợp với tuổi nhằm cải thiện khả năng hòa nhập của cá nhân trong cộng đồng.



TAKING CHARGE CHỊU TRÁCH NHIỆM

○People are in charge of their own lives.

○They get to make important decisions about their lives.

○This includes opportunities to make choices about what to eat and drink, how to spend their leisure time, when to go to bed, how to spend their money.



• Con người có trách nhiệm với cuộc sống của chính mình.

• Con người đưa ra quyết định quan trọng cho cuộc sống.

• Điều này bao gồm cơ hội để con người có thể đưa ra lựa chọn ăn gì, uống gì, dùng thời gian rảnh của mình ra sao, khi nào thì đi ngủ cũng như dùng tiền của mình ra



DECISIONS AND RISKS QUYẾT ĐỊNH VÀ RỦI RO

○People have a right to make decisions. Some of those decisions may not be what others think are best.

○It is important to educate and encourage people about the variety of choices that are available, otherwise they may just stick to what they already know. Families can be an important source of information.

○Sometimes the best way to learn is by making mistakes. It is part of life, unless the individual's safety and well-being are unreasonably jeopardized.

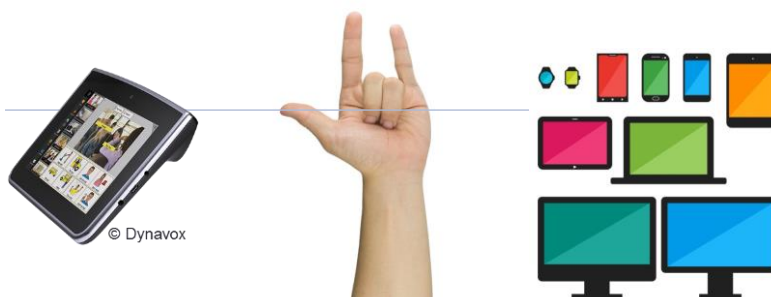
• Con người ta có quyền đưa ra quyết định kể cả một số quyết định mà người khác có thể xem không phải là tốt nhất.

• Điều quan trọng là giáo dục và động viên con người biết về các lựa chọn khác nhau sẵn có, nếu không họ chỉ dựa vào những gì mà họ biết. Gia đình là một nguồn thông tin rất quan trọng.

• Đôi khi cách tốt nhất để học là phạm lỗi. Đây là một phần của cuộc sống, trừ phi sự an toàn và sức khỏe của con người có thể bị nguy hiểm.

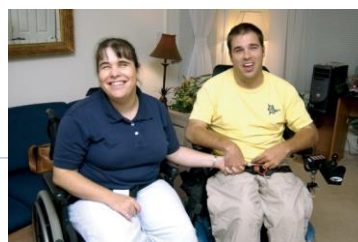
COMMUNICATION GIAO TIẾP

- People can communicate with others in whatever way they choose.
- People should receive the help that they need to communicate in the way that works best for them.
- Con người có thể giao tiếp với người khác theo cách mà họ muốn.
- Con người nên nhận được sự trợ giúp để họ có thể giao tiếp theo cách tốt nhất cho mình.



TO VISIT AND BE VISITED AT HOME ĐI THĂM VIẾNG VÀ ĐƯỢC THĂM VIẾNG TẠI NHÀ

- People can have visitors and visit others. It is their home, after all.
- Staff should be polite and courteous to visitors.
- Visitors also should be considerate, since there may be other people living there too.
- Con người có quyền có khách đến thăm hoặc có quyền đi thăm người khác. Đây chính là nhà của họ.
- Nhân viên phải lịch sự và nhã nhặn với khách đến thăm.
- Khách cũng nên cân nhắc vì có nhiều người khác sống chung nhà.



PRIVACY QUYỀN RIÊNG TƯ

- People have a reasonable expectation of privacy.
- This can include spending time alone, communicating with family/friends, or having “private time” with visitors.
- Con người cần có sự riêng tư hợp lý
- Điều này có nghĩa là con người ta có quyền được ở một mình, được giao tiếp với gia đình/bạn bè hoặc có những khoảng thời gian riêng với khách của mình.



POSSESSIONS QUYỀN SỞ HỮU

- People get to buy and keep their own things.
- They should have a place to safely keep their stuff.
- Possessions are not restricted unless they pose an immediate threat of serious physical harm to the individual or other persons.
- Con người có quyền mua và giữ đồ của mình.
- Có quyền có chỗ an toàn để cất giữ đồ của mình.
- Quyền sở hữu không được giới hạn trừ phi người đó có biểu hiện đe dọa làm nguy hiểm đến chính bản thân họ hoặc làm hại người khác.



LIMITATIONS GIỚI HẠN VỀ QUYỀN

Why and how
Tại sao và như thế nào



Video – Rich Santucci

 Short Introduction – giới thiệu ngắn

IMPORTANT CONCEPTS QUAN NIỆM QUAN TRỌNG

○Least restrictive –Use the minimum limitation on individual freedom that will still insure safety from unreasonable risk.

○Unreasonable risk –It will vary for each person and each situation. Use a team process to assess risk and consider alternatives.

- Ít hạn chế - hạn chế sự tự do của cá nhân tối thiểu nhằm đảm bảo an toàn khỏi những rủi ro có thể xảy ra
- Rủi ro không hợp lý – tùy người và tùy hoàn cảnh. Cần phải có đội ngũ để xử lý và đánh giá rủi ro và cân nhắc các lựa chọn khác



People have a right to experience reasonable risks Con người có quyền trải nghiệm những rủi ro hợp lý

A reasonable risk

Eileen is a bit overweight and is trying to eat healthier foods. Her doctor recommended that she try to lose 25 pounds. She came home from a walk on Saturday with a box of donuts and started to eat them. Supporters remind her that the donuts are high in calories and will cause her to gain weight. They suggest healthier options instead. When Eileen has her 'weigh in' at the Weight Watchers meeting later that week, she finds that she has gained three pounds.

Rủi ro hợp lý

Eileen hơi nặng cân và cố gắng ăn thức ăn lành mạnh. Bác sĩ của cô ấy đề nghị cô ấy cố gắng giảm 25lbs. Thứ bảy Cô ấy đi bộ về mang theo một hộp donut và bắt đầu ăn. Người hỗ trợ nhắc Cô bảo là lượng Calorie trong bánh donut rất cao và sẽ làm Cô ấy tăng cân. Họ đề nghị chọn thức ăn lành mạnh hơn. Trong buổi họp về Cân nặng của mình trong tuần đó, cô thấy mình tăng thêm 3 cân nữa.

An unreasonable risk

Janet has diabetes. She came home from a walk on Saturday with a box of donuts and started to eat them. The last time this happened, she went into a diabetic coma.

Rủi ro không hợp lý

Janet bị tiểu đường. Cô về nhà mang theo hộp bánh donut và ăn. Lần cuối khi cô ấy ăn bánh donut, cô ấy bị đi vào trạng thái hôn mê tiểu đường.

Socialization Risks

Rủi ro về hoạt động xã hội

A reasonable risk

Bernie lives in a community residence and can generally go into the community by himself for a few hours. On Friday night, he wants to go to a local bar for karaoke night by himself. Supporters are afraid; they are just not sure what will happen. Perhaps the patrons at the bar will make fun of him or take advantage of him in some way. Bernie says 'he will only bring enough money to buy 2 beers, and will carry his cell phone in case of emergency.

Rủi ro hợp lí

Bernie sống trong nhà ở cộng đồng và thường một mình vào trong cộng đồng trong vài giờ. Vào tối thứ 6, Anh ấy muốn một mình vào quán bar để hát karaoke. Người hỗ trợ cho Anh ấy sợ không biết chuyện gì có thể xảy ra, có thể là người chủ quán bar chọc ghẹo anh ấy hoặc lợi dụng anh ấy. Bernie nói là anh ấy sẽ chỉ mang đủ tiền để mua 2 chai bia và sẽ mang điện thoại đi động theo để gọi trong trường hợp khẩn cấp.

An unreasonable risk

Becky tells staff that her boyfriend is coming to pick her up at the house. When he arrives in his car, he is driving erratically and when he comes to the door, he smells of alcohol. Supporters don't want her to get into the car with him.

Rủi ro không hợp lí

Becky nói với nhân viên là bạn trai của cô ấy sẽ đến đón cô ấy tại nhà. Khi bạn trai cô ấy đến, anh ấy lái xe không bình thường và khi anh ấy vào cửa, mọi người ngửi thấy mùi rượu trên người anh ấy. Người hỗ trợ không muốn để Becky đi cùng xe với người bạn trai này.

Reasonable vs Unreasonable Risk

Rủi ro hợp lí và không hợp lí

An Individual, Greg, has been saving his money for a year in planning for a vacation. He then sees a TV infomercial for a real estate seminar which promises to make him wealthy. Supporters think that it might be a scam, and further, they don't think that that Greg has the aptitude to be a real estate agent. The seminar cost \$1,000.

Is this a reasonable risk?

Greg để dành tiền cả năm trời để đi nghỉ hè. Anh ấy xem một chương trình quảng cáo trên TV về một hội thảo về bất động sản mà có thể giúp cho anh ấy giàu có hơn. Người hỗ trợ nghĩ là đây chỉ có thể là lừa đảo, hơn nữa họ nghĩ là Greg có thể không đủ khả năng để trở thành một đại lí bất động sản. Chi phí cho khóa học này là \$1000.

Liệu đây có phải là rủi ro hợp lí không?

Yes – this is a reasonable risk Đúng – đây là rủi ro hợp lí

In this instance, there is a risk of exploitation, in that Greg could lose his savings and get nothing in return. However, by letting Greg try the seminar, he has the opportunity to learn an important lesson; don't believe everything that you hear.

Trong tình huống mà có nguy cơ bị bóc lột, nghĩa là Greg có thể mất hết số tiền tiết kiệm của mình và không nhận được kết quả gì cả. Tuy nhiên việc cho phép Greg tham gia buổi hội thảo này, anh ấy có cơ hội học được bài học quan trọng: **“không nên tin bất cứ những gì mình nghe.”**

Reasonable vs Unreasonable Risk Rủi ro hợp lí và không hợp lí

An individual, Sally, is very active in social media. She has been corresponding with someone she met online, Emil. Though they have never met in person, they have made travel plans to spend a weekend together at a hotel in another state. Sally plans to take a train to meet Emil at the hotel. Sally is a very friendly and trusting person and supporters are afraid that she could get taken advantage of by Emil, who she has never met.

Is this a reasonable risk?

Sally là một người rất thường sử dụng các phương tiện thông tin xã hội. Cô ấy đã trao đổi với một người cô gặp qua mạng tên là Emil. Mặc dù họ chưa bao giờ gặp mặt nhau, họ lên kế hoạch đi du lịch vào cuối tuần với nhau và sẽ ở cùng nhau tại khách sạn ở một bang khác. Sally lên kế hoạch đón tàu đến gặp Emil tại khách sạn. Sally là người rất thân thiện và là người đáng tin nên người hỗ trợ sợ là cô ấy sẽ bị Emil lợi dụng vì cô chưa gặp người này bao giờ.

Liệu đây có phải là rủi ro hợp lí không?

No – this is an unreasonable risk Không – Đây là rủi ro không hợp lý

In this instance, there is a risk of physical harm. Meeting up with a stranger in an unfamiliar city would put her at risk. Supporters can advocate for Sally to meet Emil under safer circumstances; perhaps at a coffee shop or restaurant that she is familiar with, near to her home. She could carry a cell phone, and perhaps check in with supporters at an agreed upon time, just to reassure everyone that she is OK. She could also choose to bring a friend or trusted person with her.

Trong tình huống này, sẽ có nguy hại về mặt thân thể. Gặp một người lạ ở một thành phố cô chưa bao giờ tới có thể rất nguy hại cho cô ấy. Người hỗ trợ có thể biện hộ để tạo điều kiện cho Sally và Emil gặp nhau trong môi trường an toàn hơn, như là ở quán cà phê, hoặc nhà hàng quen thuộc với cô ấy. Cô ấy có thể mang theo điện thoại di động và có thể báo cho người hỗ trợ biết khi cả hai người gặp để bảo đảm là cả hai đều an toàn. Cô ấy cũng có thể chọn mời một người bạn hoặc một người mà cô tin tưởng đi cùng cô ấy.

THE PROCESS FOR LIMITATIONS Quá trình về việc hạn chế quyền

- | | |
|--|---|
| <ol style="list-style-type: none"> 1. A compelling reason must exist for this limitation. There must be a element of imminent risk to the person or to others. 2. The proposed limitation must be the least restrictive method possible to reduce or eliminate the risk. 3. The individual/guardian has to give consent. 4. There has to be a teaching plan for the person so that they will be able to learn what they need in order to be free from the limitation. This includes criteria to fade or end the restriction. 5. The proposed limitation plan is reviewed by the ISP team and the provider's Human Rights Committee. | <ol style="list-style-type: none"> 1. Phải có lý do chính đáng để hạn chế quyền. Phải có các yếu tố có thể nguy hại đến bản thân con người hoặc người khác. 2. Hạn chế quyền đề nghị phải được thực hiện trong hoàn cảnh ít hạn chế nhất có thể được để có thể giảm hoặc loại bỏ nguy cơ rủi ro. 3. Cá nhân/Người giám hộ phải chấp thuận đồng ý. 4. Phải có kế hoạch dạy cho cá nhân để họ học được các họ cần để khỏi phải bị giới hạn quyền của mình. Việc này bao gồm cả tiêu chí giảm dần hoặc không có giới hạn. 5. Kế hoạch giới hạn được xem xét bởi đội ngũ chăm sóc cá nhân và Liên bang Quyền con người của cơ quan đó. |
|--|---|

Case Example

Trường hợp ví dụ

Compelling reason - Julie wants to use the stove by herself to cook lunch. However, she has burned herself on three occasions and last week, she started a small grease fire in the kitchen.

Proposed limitation - Julie can only use the stove with supervision

Less restrictive alternatives - staff have explained how to use the stove and showed Julie how to cook some of her favorite items. However, she has continued to have cooking accidents

Consent - Julie and her guardian agree

Teaching plan - staff will work with Julie every

Saturday afternoon on cooking. They will use colored tape on the stove dial to indicate how high to turn up the burner. They will provide less support over time as Julie becomes more proficient. They will take progress notes on how much assistance she needs each time.

Plan to fade - After 6 months, the team, including Julie and her guardian, will reassess Julie's ability, review progress notes and determine whether she is safe to cook independently.

Lý do chính đáng - Julie muốn tự mình dùng bếp lò để nấu ăn trưa. Tuy nhiên cô đã phỏng 3 lần và tuần trước cô ấy để dầu bốc lửa trong bếp.

Giới hạn quyền - Julie chỉ có thể dùng bếp lò nếu được giám sát.

Thay đổi ít hạn chế khác - nhân viên giải thích cho Julie cách dùng bếp lò và chỉ Julie cách nấu vài món ăn cô thích nhất. Tuy nhiên, cô ấy vẫn tiếp tục có nhiều tai nạn trong lúc nấu ăn.

Thỏa thuận: Julie và người giám hộ của cô ấy đồng ý

Kế hoạch dạy dỗ - nhân viên sẽ làm việc với Julie mỗi chiều thứ bảy để học nấu ăn. Họ sẽ dùng băng keo màu đỏ trên bếp để giúp dạy cho Julie biết cần phải vặn lò đến đâu. Khi Julie sử dụng thành thạo, đội ngũ nhân viên sẽ giảm việc giám sát. Nhân viên sẽ lấy dữ liệu về sự giúp đỡ mà Julie cần mỗi lần học.

Kế hoạch giảm giám sát - Sau 6 tháng, đội ngũ bao gồm Julie, người giám hộ sẽ xem báo cáo tiến bộ và đánh giá lại khả năng của cô để xem cô có thể tự mình dùng bếp lò để nấu ăn không.

MAKING A POSITIVE IMPACT

TẠO ẢNH HƯỞNG TÍCH CỰC

You can help
Quý phụ huynh có thể giúp



Video – Families Org for Change

5 Minute interview with Susan Nadworny :

- Introduce yourself and what you do

GET INVOLVED Tham gia

○Get to know the provider and DDS staff that work with your family member. Communicate regularly and visit as often as you can.

○Help the provider to really know your family member. You are the expert on your family member. Help the staff to know about their preferences, interests, needs, and accomplishments. They are not just a service recipient, they are a person.

○Help your family member to celebrate their religious and cultural heritage. It is an important part of who they are.

• Cần biết người cung cấp dịch vụ và nhân viên DDS làm việc với gia đình bạn. Nên trao đổi thường xuyên với họ và nên gặp họ thường xuyên.

• Giúp cho người cung cấp dịch vụ biết về con mình. Bạn chính là người hiểu con mình nhất. Giúp nhân viên biết sở thích, nhu cầu và những thành tích của con bạn. Con bạn không chỉ là người nhận dịch vụ đơn thuần mà họ là những **con người**.

• Giúp con bạn tổ chức và duy trì những giá trị văn hóa và tôn giáo. Đây là phần quan trọng để biết **họ là ai**.

SPEAKING UP LÊN TIẾNG

- You are a part of the service team
- You have something to offer
- If you see something you don't like – SPEAK UP
- If you have an idea or suggestion – SAY IT
- If things are going well – LET THEM KNOW (this will encourage them to keep it up)



- Bạn chính là một thành viên của đội ngũ chăm sóc con bạn.
- Bạn luôn có thể đóng góp ý kiến.
- Nếu bạn thấy gì bạn không thích, bạn cần phải LÊN TIẾNG.
- Nếu bạn có ý tưởng hoặc đề nghị gì, bạn cần PHẢI NÓI.
- Nếu mọi việc tốt – NÊN CHO HỌ BIẾT (làm như thế là động viên họ chăm con mình tốt hơn).

THE SKY IS THE LIMIT BẦU TRỜI CHÍNH LÀ GIỚI HẠN



Solving Human Rights Issues Giải Quyết Các Vấn Đề Liên Quan Đến Quyền Con Người

What can a family do?
Gia đình có thể làm gì?

☞ ☜

Video – Human Rights Advisory Council

5 minute interview with Cathe Carpenter Phỏng vấn 5 phút với Cathe Carpenter
o Introduction, relation to HRAC

CONCERNS ABOUT THE QUALITY OF SERVICES LO LẮNG VỀ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ

There may be instances, in which services for your family member are **just not satisfactory**.

- Staff may not be attentive and respectful
- The services might seem too restrictive
- The services may not be sufficient to meet their needs
- The provider may not be doing what was agreed to

Your family member deserves great services and you can advocate for them.



Cũng có thể có những tình huống, mà gia đình **không thỏa mãn** với các dịch vụ được cung cấp cho con bạn.

- Nhân viên không ân cần và không tôn trọng con bạn.
- Dịch vụ có vẻ quá hạn chế.
- Dịch vụ không đủ để đáp ứng nhu cầu của con bạn.
- Người cung cấp dịch vụ không làm những gì mà đã cùng thỏa thuận.

Con của bạn đáng được hưởng các dịch vụ và bạn đã biện hộ cho con bạn.

CONCERNS ABOUT THE SERVICE PROVIDER LO LẮNG VỀ NGƯỜI CUNG CẤP DỊCH VỤ

If you are not satisfied with the way in which services are being provided:

- Start with the **Service Coordinator**.
- Contact the provider **agency management staff**. They may not be fully aware of program issues.
- Contact the **area office**. They fund the provider agency. They have a responsibility to make sure that the provider is doing what they are supposed to.
- File a grievance with the provider agency **human rights committee**. You can access the committee through the provider's human rights officers or coordinator.
- Contact your Regional **DDS Human Rights Specialist** or the DDS Director of Human Rights. The Office for Human Rights can offer guidance and support.

Nếu bạn không thỏa mãn với các dịch vụ được cung cấp:

- Hãy bắt đầu với người điều phối dịch vụ
- Liên hệ với **nhân viên quản lý của công ty cung cấp dịch vụ**. Họ có thể không nhận thức được toàn bộ vấn đề.
- Liên hệ **văn phòng khu vực**. Văn phòng khu vực chính là người cung cấp ngân sách cho tổ chức cung cấp dịch vụ cho con bạn. Họ có trách nhiệm đảm bảo công ty cung cấp dịch vụ làm những gì họ cần phải làm.
- Nộp đơn khiếu nại cho **Ban Nhân Quyền** của tổ chức cung cấp dịch vụ. Bạn có thể tiếp cận ban này qua nhân viên nhân quyền hoặc người điều phối về nhân quyền.
- Liên hệ **Chuyên gia Nhân Quyền thuộc vùng** hoặc giám đốc Nhân quyền của DDS. Văn phòng Nhân quyền có thể hướng dẫn.

CONCERNS ABOUT THE TYPE OF SERVICES LO LẮNG VỀ LOẠI DỊCH VỤ

- Use the Individual Support Plan (ISP) meeting to discuss the goals and challenges of your family member and the services that they need to succeed.
- You may want to advocate for additional services or a different provider.
- If you are not in agreement with the service plan you have [the right to appeal the ISP to the DDS Regional Director](#).
- You can request an ISP modification meeting if you don't want to wait until the next regular ISP meeting is scheduled.
- Dùng buổi họp về Bảng Hỗ Trợ Cá Nhân (ISP) để thảo luận về mục tiêu và thách thức liên quan đến con bạn và các dịch vụ mà con bạn nhận được để giúp chúng thành công.
- Bạn nên biện hộ để có thêm dịch vụ hoặc có thể chuyển một công ty cung cấp dịch vụ khác.
- Nếu bạn không đồng ý với kế hoạch dịch vụ đưa ra cho con bạn, bạn có quyền khiếu nại về Kế hoạch cá nhân với Giám đốc DDS của vùng.
- Bạn có thể yêu cầu có buổi họp để thảo luận và điều chỉnh bảng kế hoạch hỗ trợ cá nhân nếu bạn không muốn chờ cho đến buổi họp tới.

REPORTING ABUSE AND NEGLECT BÁO CÁO TRONG TRƯỜNG HỢP LỢI DỤNG HOẶC BỎ RƠI

- What to do if you suspect abuse or neglect by a caregiver:**
- Call the [DPPC \(Disabled Persons Protection Commission\)](#) 24-Hour hotline at **1-800-426-9009**.
 - The standard for reporting suspected abuse and neglect to the DPPC is "reasonable cause to believe," that abuse, neglect or mistreatment was committed against a person with a disability. You don't need to be 100% sure. When in doubt, make the call and let the investigators decide.
 - Everyone who works with individuals with disabilities are mandated reporters. Non-mandated reporters can call DPPC too.
 - Bạn có thể làm gì nếu nghi ngờ con bạn bị lợi dụng hoặc bị bỏ rơi bởi người chăm sóc:
 - Gọi điện cho DPPC (Ủy ban Bảo Vệ Người khuyết tật) Đây là đường dây nóng 24/7 số **1-800-426-9009**
 - Tiêu chuẩn để báo cáo nghi ngờ lạm dụng hoặc bỏ rơi cho DPPC là: "Lí do hợp lí để tin là việc lợi dụng, bỏ rơi, hoặc đối xử tệ bạc với người khuyết tật. Bạn không cần phải chắc chắn 100%. Khi nghi ngờ, hãy gọi điện và để cho người điều tra đưa ra quyết định.
 - Mọi người làm việc với người khuyết tật đều là người buộc phải báo cáo. Người không bắt buộc phải báo cáo cũng có thể gọi điện cho DPPC.

OUTCOMES KẾT QUẢ

- The provider is immediately notified of any allegations against its employees and is required to take all necessary **immediate action to protect** the alleged victim, pending the outcome of the investigation.
- A **written report** of the investigation's outcome will be sent to **Individuals or their Guardians upon request** with instructions for **appealing that outcome**, in case they do not agree with it.
- The guardian would have to call DPPC to find out when the investigation is completed in order to make the request.
- Người cung cấp dịch vụ cần phải thông báo ngay nếu có cáo buộc nào chống lại nhân viên và cần phải hành động ngay để bảo vệ nạn nhân bị cáo buộc, trong thời gian chờ kết quả điều tra.
- Một báo cáo bằng văn bản viết về kết quả điều tra sẽ được gửi đến cá nhân khuyết tật hoặc người giám hộ của họ nếu có yêu cầu cùng những hướng dẫn để khiếu nại kết quả trong trường hợp bạn không đồng ý với kết quả.
- Người giám hộ cần phải gọi điện cho DPPC để biết khi nào điều tra xong để yêu cầu có báo cáo bằng văn bản viết.

RESOURCES

- **DDS Office for Human Rights** - Richard Santucci, Director 617-624-7738 Rich.santucci@state.ma.us
- **DDS Regional Human Rights Directors**
- **Disability Law Center** <http://www.dlc-ma.org/> Phone: (617) 723-8455
- **Massachusetts Families Organizing for Change**
<http://www.mfofc.org/> Phone: 508-824-6946
- **The ARC of Massachusetts** <http://thearcofmass.org/> Phone: (781) 891-6270
- **Disabled Persons Protection Commission**
<http://www.mass.gov/dppc/> Phone: **800-426-9009**
- **DDS regulations and policies**
<http://www.mass.gov/eohhs/gov/laws-regs/dds/>

PROTECTION AND ADVOCACY BẢO VỆ VÀ BIỆN HỘ

- The Disability Law Center is named in the regulations as being the protection and advocacy agency for Mass.
- The DLC provides free consultation for individuals and families served through the DDS. They can be reached at **(617) 723-8455**
- Trung tâm Luật Khuyết tật được đặt trong luật định là tổ chức bảo vệ và biện hộ cho Mass.
- DLC cung cấp tư vấn miễn phí cho cá nhân và gia đình nằm trong DDS. Gọi số **(617) 723-8455**

